

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**
Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27/4/2023
V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trương Văn Sắc**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa: ông
Trần Công Đình – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST – HNGĐ ngày 10/4/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Đinh Vũ Ngọc Q**, sinh năm: 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã S, huyện B, tỉnh N.

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Vũ Thanh T**, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện H, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị **Đinh Vũ Ngọc Q** trình bày:**

Tôi và anh Nguyễn Vũ Thanh T chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh G. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tôi đã làm thất lạc, tôi có đi trích lục giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại UBND xã A và Phòng tư pháp huyện H nhưng không có, trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm mới tiến đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2018 thì tình cảm vợ chồng sống không được như trước, tôi phát hiện anh T thường xuyên nhắn tin qua lại

với người phụ nữ khác, tôi bỏ nhà đi thì anh T có năn nỉ tôi quay về, nhưng anh T vẫn không thay đổi, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng có lối sống không phù hợp, hai bên không tìm được tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ ngày 30/4/2019 cho đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 27/8/2008 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 18/8/2013. Cháu H đang sống với tôi, cháu Đ đang sống với anh T.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa chị Q yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Q yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Vũ Thanh T.

- Về con chung: chị Q xin được nuôi cháu Nguyễn Hoàng H và chị Q đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng Đ cho anh T nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Vũ Thanh T, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu ý kiến:*** Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Vũ Ngọc Q, không công nhận vợ chồng giữa chị Đinh Vũ Ngọc Q và anh Nguyễn Vũ Thanh T. Về quan hệ con chung: giao cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 27/8/2008 cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 18/8/2013 cho chị Q nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: buộc chị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Vũ Thanh T với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa anh T vắng mặt. Xét thấy anh T đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh T vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Q cho rằng chị và anh T chung sống với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, nhưng hiện nay giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Chị Q đã đến UBND Xã A xin trích lục giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nhưng không có và chị Quyên cũng đã yêu cầu Phòng tư pháp huyện Tân Hiệp trích lục giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của chị và anh Tú nhưng cũng không có và Phòng tư pháp huyện Tân Hiệp có công văn trả lời cho chị Quyên với nội dung “...qua kiểm tra sổ bộ hộ tịch còn lưu trữ nhưng không có sự kiện hộ tịch này...”

Qua kết quả xác minh tại Phòng tư pháp huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang thì từ trước cho đến nay không có sự kiện hộ tịch về việc chị Đinh Vũ Ngọc Q và anh Nguyễn Vũ Thanh T có đăng ký kết hôn. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp đã có Thông báo số 109/2022/TB – TA ngày 22/8/2022 về việc yêu cầu anh T cung cấp giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Nguyễn Vũ Thanh T và chị Đinh Vũ Ngọc Q nhưng hết thời gian thông báo anh Tú không cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị Q nên không có căn cứ để chứng minh chị Q và anh T có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*” và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*”.

Bởi vì chị Q và anh T chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T không có giá trị pháp lý. Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận chị Q và anh T là vợ chồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: chị Q xác nhận chị và anh T có 02 người con chung là Nguyễn Hoàng Đ, Sinh ngày 27/8/2008 và Nguyễn Hoàng H, Sinh ngày 18/8/2013. Hiện nay cháu Đ đang sống với anh T và cháu H đang sống với chị Q.

Xét yêu cầu của chị Q về việc xin được nuôi cháu H và giao cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Xét yêu cầu của chị Q là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với đạo đức xã hội bởi lẽ từ khi chị Q và anh T không sống chung với nhau đến nay thì cháu Đ sống với anh T và cháu H sống với chị Q, ngoài ra theo nguyện vọng của cháu Đ là được sống với anh T và nguyện vọng của cháu H là được sống với chị Q. Mặt khác anh T cũng không có ý kiến gì về việc chị Q xin nuôi cháu H và giao cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 27/8/2008 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 18/8/2013 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị Qn xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở chấp nhận theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí HNST: Buộc chị Q phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0008292 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 147, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, 51, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Vũ Ngọc Q và anh Nguyễn Vũ Thanh T.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 27/8/2008 cho anh Nguyễn Vũ Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Tiếp tục giao cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 18/8/2013 cho chị Đinh Vũ Ngọc Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí HNST: Buộc chị Đinh Vũ Ngọc Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0008292 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Ái

